

Bản án số: 123/2017/HSST
Ngày 15 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan.

Ông Lương Hữu Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 105/2017/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo sau đây:

1/ Nguyễn Quang P. Tên gọi khác: Nguyễn Đình P. Sinh năm: 1980. Nơi ĐKNKTT: K4, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt N1. Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Nguyễn Đình Cvà bà: Nguyễn Thị M, có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 13/8/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích.

- Năm 2014 bị Công an huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Mai Tuấn Đ. Tên gọi khác: Đ Cụt. Sinh năm: 1982. Nơi ĐKNKTT: đường T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt N1. Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Mai Ngọc T và bà: Trần Thị Tuyết N, có

vợ là Trần Thị V và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 17/5/2000 bị Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 05 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản.

- Ngày 12/3/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản.

- Ngày 24+25/12/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Không tổ giác tội phạm.

- Ngày 10/8/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản (ngày 28/11/2010 ra trại).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3/ **Phạm Anh V.** Tên gọi khác: Chíp. Sinh năm: 1984. Nơi ĐKNKTT, đường T, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nơi tạm trú: Số 17 đường A, tổ phường M, quận Ngũ H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt N1. Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Phạm Vũ N và bà: Mai Thúy Th, có vợ là Đỗ Phương T và 01 con sinh năm 2007. Tiền án: Không. Có 01 tiền sự: Ngày 11/02/2011 bị Công an phường T, quận T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 2.210.000đ về hành vi “*Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không có giấy phép lái xe, không có giấy đăng ký xe theo quy định và Vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ*”.

Về nhân thân:

- Ngày 12/7/2012 bị Công an phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 2.250.000đ về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 30/5/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2016 về một tội phạm khác đến nay có mặt tại phiên tòa.

4/ **Trần Minh H.** Tên gọi khác: H Trọc. Sinh năm: 1990. Nơi ĐKNKTT: Số Ô, phường X, quận K, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 4/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt N1. Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Trần Ngọc T và bà: Hoàng Bích L, sống chung như vợ chồng với Quách Lệ Thvà có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015. Không tiền án. Có 01 tiền sự: Ngày 25/5/2013 bị Công an phường H, quận K, thành phố Hà Nội xử phạt 2.250.000 về hành vi sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy (đã thi hành).

Nhân thân: Ngày 24/4/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản (ngày 14/12/2009 ra trại).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5/ **Tăng Xuân L.** Tên gọi khác: L Đắc. Sinh năm: 1990. Nơi ĐKNKTT: Số 02, đường Đ, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt N1. Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Tăng Xuân H và bà: Nguyễn Thị Kim O, có vợ là Tống Minh Ph và 01 con sinh năm 2016.

Có 01 tiền án: Ngày 23/11/2009 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 29/4/2012 chấp hành xong).

Nhân thân: Ngày 05/6/2015 bị Công an phường Tr, quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 3.000.000đ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và không kê khai công cụ hỗ trợ (đã thi hành).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 17/02/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6/ **Nguyễn Văn T.** Tên gọi khác: T Dê. Sinh năm: 1991. Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt N1. Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Nguyễn Văn Q và bà: Nguyễn Thị Tr, có vợ là Trần Thị Hồng Ng, chưa có con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ 24/12/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7/ **Đỗ Văn C.** Tên gọi khác: không. Sinh năm: 1986. Nơi ĐKNKTT: Khu vực 4, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 11/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt N1. Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Đỗ Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị K, có vợ là Phạm Thanh H và 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ 06/01/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1/ Anh Nguyễn Văn H1. Sinh năm: 1989. Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã Nh, huyện Ph, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có lý do.

2/ Anh Hà Trung D (DM), sinh năm 1975 và chị Lò Phấn Th, sinh năm 1974. Nơi ĐKNKTT: Bản P, xã Ch, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Nguyễn Đình Qh. Tên gọi khác: Nguyễn Đình H. Sinh năm: 1975. Nơi ĐKNKTT: K4, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2/ Ông Phạm T. Sinh năm: 1959. Nơi ĐKNKTT: K4, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Ủy quyền cho anh Đỗ Văn H, sinh năm 1975. Nơi ĐKNKTT: K4, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3/ Ông Nguyễn Công L1. Sinh năm 1948. Nơi ĐKNKTT: Số 48, ngõ 115 Nguyễn Lương Bằng, phường N1 Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4/ Chị Quách Lệ Th. Sinh năm: 1995. Nơi ĐKNKTT: Số 20, phố Nh, phường Tr, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

5/ Anh Nguyễn Công Th. Sinh năm: 1981. Nơi ĐKNKTT: đường G, phường X, quận K, thành phố Hà Nội. Có mặt.

6/ Ông Phạm Vũ N. Sinh năm: 1951. Nơi ĐKNKTT: Số 18 ngách 162A/9 T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối 19/10/2013, Nguyễn Công T1, sinh năm 1980 cùng vợ là Tô Thị M, đang đi chơi trên đường tại khu vực trước công sân 3/2 thuộc phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La thì bị một nhóm đối tượng chém vào tay và bị thương ở cánh tay làm T1 phải vào điều trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La. Sau khi sự việc xảy ra, Tô Giang N1 ở thành phố Lào Cai (là anh vợ của T1) đến thăm T1, cùng thời điểm đó có Nguyễn Quang P và Nguyễn Văn T (bạn của T1) đang kinh doanh cầm đồ tại cửa hiệu cầm đồ CP do Nguyễn Quang P làm chủ (thuộc tổ 02, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) cũng đến thăm T1. Khi gặp nhau nói chuyện, P nói với N1 là nghi ngờ nhóm của Hà Trung D (tức DM) ở bản P, xã C, thành phố Sơn La chém T1. Sau đó, N1 đã gọi điện thông báo với Mai Tuấn Đ (Đ Cụt) về việc T1 bị chém và bảo Đ lên thăm xem như thế nào; lúc đó có Tăng Xuân L (L Điếc), Trần Minh H, Phạm Anh V cũng có mặt. Đ đã rủ mọi người cùng đi lên Sơn La để thăm T1, tất cả đều đồng ý. Đến 00h ngày 24/10/2013, Đ đã mượn xe ô tô, biển kiểm soát 88K-5085 của Lê Văn D (tức D Thép); trú tại xã Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cùng với L, H, V đi từ Hà Nội lên Sơn La để thăm T1.

Khoảng 15h ngày 24/10/2013, tại cửa hiệu cầm đồ CP, P đã giao cho Đỗ Văn C và Nguyễn Văn T (là nhân viên làm việc tại cửa hiệu cầm đồ) đi taxi đến quán của DM để theo dõi, nếu thấy D ra ngoài thì gọi điện báo cho P để chặn đánh D trả thù cho T1, đồng thời bảo cả hai mang theo hung khí để sử dụng đánh nhau, C và T đồng ý. T cầm theo một con dao phóng lợn (*là loại dao nhọn cán được nối với ống tuýp bằng sắt*), C cầm một đoạn tuýp nước bằng sắt lấy từ chỗ giường ngủ ở trong quán mang theo, rồi đi ra đường lên một chiếc taxi do P gọi. T ngồi ghế phụ hướng dẫn người lái xe đi đến quán của gia đình Hà Trung D ở khu tổ 6, phường L, thành phố Sơn La. Đến nơi, T bảo người lái xe quay đầu xe theo hướng trung tâm thành phố và đỗ cách quán một đoạn để theo dõi.

Lúc T và C lên taxi rời khỏi hiệu cầm đồ để theo dõi DM thì Mai Tuấn Đ điều khiển xe ô tô **BKS 88K-5085** cùng Tăng Xuân L, Phạm Anh V và Trần Minh H đi từ Hà Nội lên đến Sơn La vào quán cầm đồ của P. P đã dẫn Đ, L, H, V đến một quán ở gần đó uống nước, nói chuyện. Đ hỏi P “*có biết ai chém T1 không*”, P trả lời là “*nghe cho nhóm người của DM và TC*” đồng thời P nói với Đ là đã cử người đi theo dõi hội DM, nếu thấy hội DM ra khỏi nhà thì sẽ điện báo cho P biết. Thấy P nói như vậy, Đ nói “*Vậy thì anh em mình đợi bọn nó gọi điện về thì đi đánh bọn DM*”. P đáp “*Anh em mình cứ đi lên thành phố gặp nhóm DM ở đâu thì đánh, chém ở đó*”, cả nhóm đều đồng ý. P về quán lấy ra một túi vải bên trong có 02 con dao nhọn (*loại dao bầu*), 01 con dao phóng lộn, 01 đoạn ống tuýp sắt để vào cốp xe ô tô của Đ; riêng P thì cầm theo 01 con dao nhọn (*loại dao bầu*) để trong túi vải đeo bên người, rồi tất cả cùng lên xe. Đ điều khiển xe ô tô đưa cả nhóm đi về hướng trung tâm thành phố Sơn La. Trên đường đi, P nảy sinh ý định đi qua nhà của Nguyễn Văn Tự (TC) ở tổ 08, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, nếu thấy Tự thì đánh Tự, mục đích để khi bị đánh Tự sẽ gọi D đến, sau đó P cùng đồng bọn sẽ chặn đánh D. Khi cả bọn đi đến khu vực ngã ba Quyết Thắng, thành phố Sơn La, P bảo Đ điều khiển xe đi theo đường từ Ngã tư xe khách ra đường Nguyễn Lương Bằng, khi tới khu vực Cung Văn hóa thiếu nhi tỉnh Sơn La thì thấy TC đang ngồi trên vỉa hè cùng Bùi Đăng Duy; trú tại: bản Trại Giồng, xã Nà Nhieu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; P đã chỉ cho Đ biết đó là TC, Đ nói “*chém chết mẹ nó đi anh*”, đồng thời Đ điều khiển xe ô tô đi vào một ngõ nhỏ ở gần đó, dừng và mở cốp xe ô tô lấy hung khí. Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô đến vị trí TC đang ngồi, P, V, L, Dùng mở cửa xe ra ngoài tay cầm hung khí xông đến để tấn công TC và Duy, hai người liền bỏ chạy vào trong nhà đóng cửa lại. Thấy vậy, cả nhóm của P lên xe ô tô đi về hướng ngã tư Cầu Trắng.

Cùng lúc đó, khoảng 16h ngày 24/10/2013, C và T khi đang theo dõi Hà Trung D thì thấy D điều khiển xe ô tô 29C-218.80 chở theo Nguyễn Văn H1, trú tại thôn V, xã Nh, huyện Ph, thành phố Hà Nội (là bạn của D) ra khỏi quán đi về khu vực tổ 4, phường Quyết Thắng thành phố Sơn La. Thấy D điều khiển xe ô tô bán tải ra khỏi nhà đi hướng trung tâm thành phố, C lấy điện thoại di động gọi báo tin cho P biết, còn T báo người điều khiển taxi bám theo xe của D.

Về nhóm của Nguyễn Quang P, khi cả bọn lên xe ô tô đi về hướng ngã tư Cầu Trắng thì P nhận được điện thoại của C báo là D đã đi xe ô tô ra khỏi quán và đi về hướng ngã tư Cầu Trắng. P bảo Đ điều khiển xe ô tô đi chậm lại, khi đi qua ngã tư Cầu Trắng đến trước cổng nhà nội (đoạn đầu đường Chu Văn Thịnh) là khu vực trung tâm thành phố, P phát hiện D đang điều khiển xe ô tô bán tải 29C-218.80 đi ngược chiều về hướng ngã tư Cầu Trắng và đi về hướng đường Nguyễn Lương Bằng. P chỉ cho Đ biết và nói “*DM đây rồi*”, Đ điều khiển xe ô tô BKS 88K-5085 quay đầu lại, vượt đèn đỏ, không đi qua vòng xuyến đuổi theo ép chặn xe ô tô của Hà Trung D vào lề đường bên phải của đường Nguyễn Lương Bằng (khu vực đối diện với cổng khách sạn Sơn La) rồi dừng xe lại để cả

bọn xuống xe. Đ cầm 02 con dao bầu, V cầm 01 con dao phóng lộn, H cầm 01 đoạn ống tuýp sắt, L cầm tay công bằng sắt, P cầm 01 con dao nhọn xuống xe ô tô xông đến xe ô tô của Hà Trung D đập, phá, chém xe ô tô. Đ cầm dao bầu chém vào gương chiếu hậu và cửa kính xe bên lái; H cầm đoạn ống tuýp sắt đập ngang vào kính chắn gió phía trước, L cầm tay công đập vào kính cửa xe bên lái, V cầm dao phóng lộn chém vào cánh cửa sau bên phải làm bung lưỡi dao nhọn rơi tại hiện trường. Thấy vậy D nhảy từ bên ghế lái sang ghế phụ và cầm theo 01 thanh kiếm sắt có sẵn ở trong xe ô tô mở cửa xe bên phụ để ra khỏi xe thì bị P cầm dao xông đến chỗ D, đồng thời tất cả cùng dòn vào tấn công D, còn D đã dùng kiếm để chống đỡ và lùi dần về phía cổng khách sạn Sơn La. Cùng lúc đó, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn C đi xe taxi bám theo xe của D đến nơi, T bảo lái xe dừng lại ngay đầu đường Nguyễn Lương Bằng, cách xe phía sau xe của Hà Trung D một đoạn, T cầm 01 con dao phóng lộn, C cầm 01 đoạn ống tuýp sắt chạy đến vị trí đánh nhau. T chạy trước phát hiện thấy Nguyễn Văn H1 vừa mở cửa xe phía sau bên phải ra khỏi xe, đang đứng sát cửa sau bên phải xe thì bị T cầm dao phóng lộn ở tay phải đâm một phát vào vùng lưng H1 làm H1 dúm người xuống và bỏ chạy vào một cửa hàng ngay gần đó. T, C chạy đuổi theo H1 nhưng chủ cửa hàng đóng cửa lại. T, C tiếp tục cầm hung khí lao đến vị trí của D để tấn công D cùng với đồng bọn. Nhưng lúc đó, Hà Trung D bỏ chạy sang phía bên kia đường phía cổng khách sạn Sơn La thì C cầm đoạn ống tuýp sắt trên tay ném theo D nhưng không trúng. Sau đó, P gọi cả nhóm (gồm 07 người) lên xe ô tô BKS 88K-5085 đi về hiệu cầm đồ C P, tại đây T đã kể lại cho cả nhóm biết việc T cầm dao phóng lộn đâm vào lưng H1. Thấy vậy, nhóm của Đ đi xe ô tô về Hà Nội ngay sau đó; đến sáng ngày 25/10/2013 T và C cũng đi xe khách về Hà Nội bỏ trốn. Còn Nguyễn Văn H1 được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La.

Sau khi bị đâm, Nguyễn Văn H1 được mọi người đưa đến cấp cứu điều trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La từ ngày 28/10/2013 đến 01/11/2013. Tại bản kết luận giám định thương tích số 119/TgT ngày 09/11/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sơn La kết luận về tổn hại sức khỏe của Nguyễn Văn H1: Tỷ lệ tổn thương sức khỏe cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 11%.

Khi bị nhóm Nguyễn Quang P cầm hung khí tấn công những Hà Trung D tránh được nên không bị thương tích gì. Đối với chiếc xe ô tô bán tải BKS 29C - 218.80 chủ sở hữu mang tên Hà Trung D bị đập vỡ kính chắn gió phía trước, gương chiếu hậu, cửa kính bên lái...sau khi sự việc xảy ra, D đã đưa xe ô tô đi sửa chữa, các khoản chi phí thay thế và công sửa chữa xe ô tô là 18.000.000đ. Tại kết luận số 08/KL-HĐĐGTS ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Sơn La kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của chiếc xe ô tô bán tải BKS 29C – 218.80 là 13.300.000đ.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 15/VKS-P2 ngày 06/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Phạm Anh V về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự, tội Hủy hoại tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự, tội Gây rối trật tự công cộng, theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn C về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự tội Gây rối trật tự công cộng, theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm b, p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Quang P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm b, p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Mai Tuấn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 50; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Phạm Anh V từ 20 đến 22 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 06 tháng 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội và tổng hợp hình phạt 10 năm 06 tháng tù tại bản án số 94/2017/HSPT của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Trần Minh H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Tăng Xuân L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, từ 03 tháng

đến 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 245; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của hai tội.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 245; điểm b, p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đỗ Văn C từ 18 đến 22 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của hai tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho những người bị hại.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại Hà Trung D và Lò Phấn Th có ý kiến: các bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa xe ô tô bán tải BKS 29C-213.80 là 18.000.000đ, trong đó có gia đình bị cáo Nguyễn Quang P bồi thường 4.000.000đ, gia đình bị cáo Mai Tuấn Đ bồi thường 5.000.000đ, số tiền còn lại là 9.000.000đ đề nghị các bị cáo phải bồi thường. Và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại Nguyễn Văn H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có đề nghị các bị cáo bồi thường tổn hại về sức khỏe và tinh thần cho người bị hại là 50.000.000đ, trừ đi 20.000.000đ gia đình bị cáo Nguyễn Quang P đã bồi thường và 10.000.000đ gia đình bị cáo Đỗ Văn C đã bồi thường, các bị cáo còn phải bồi thường 20.000.000đ. Và người bị hại Nguyễn Văn H1 có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Quang P, Đỗ Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 24/10/2013, do nghi ngờ nhóm người của anh Hà Trung D (DM) đã chém anh Nguyễn Công T1 (bạn của P) vào tối ngày 19/10/2013 làm T1 bị thương ở vùng cánh tay nên Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Phạm Anh V, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C đã thống nhất mang theo hung khí gồm dao phông lợn, dao bầu, dao nhọn, ống tuýp sắt chặn đánh D và nhóm người của D tại khu vực trước cổng khách sạn Sơn La thuộc trung tâm thành phố Sơn La. Khi thấy Hà Trung D và Nguyễn Văn H1

trên chiếc xe ô tô BKS 29C – 218.80 thì Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Phạm Anh V đã sử dụng những hung khí mang theo đập phá xe ô tô của Hà Trung D, đồng thời cả 07 bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Phạm Anh V, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C cùng dùng các hung khí tấn công Hà Trung D và Nguyễn Văn H1, trong đó Nguyễn Văn T đã dùng dao phúng lợn đâm một nhát vào vùng đường nách giữa phía bên trái của Nguyễn Văn H1. Hậu quả làm hư hỏng, gây thiệt hại cho xe ô tô BKS 29C – 218.80 với tổng giá trị là 13.300.000đ, Nguyễn Văn H1 bị tổn hại sức khỏe 11%.

Hành phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn trình báo của Hà Trung D vào ngày 24/10/2013;

- Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La lập hồi 17h15' ngày 24/10/2013 tại tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xác định: Hiện trường chung nơi xảy ra vụ án là đoạn đường Nguyễn Lương Bằng thuộc tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, trước cửa nhà số 36A; hướng Bắc tiếp giáp với vỉa hè và hàng rào trước khách sạn Sơn La; hướng Đông là đường đi ra Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh Sơn La; hướng Tây là hướng đi ngã tư Cầu Trắng; hướng N1 tiếp giáp vỉa hè trước số nhà 36A, đường Nguyễn Lương Bằng, thuộc tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

- Biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông do Công an thành phố Sơn La lập hồi 18h30' ngày 24/10/2013 đối với xe ô tô bán tải BKS 29C - 218.80. Tại kết luận số 08/KL-HĐDGTS ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Sơn La kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của chiếc xe ô tô bán tải BKS 29C – 218.80 là 13.300.000đ.

- Biên bản xác định tình trạng thương tích của Nguyễn Văn H1 được lập hồi 11 giờ 35 phút ngày 25/10/2013 tại khoa ngoại chấn thương chỉnh hình - Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La và Kết luận giám định thương tích số 119/TgT ngày 09/11/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sơn La kết luận về tổn hại sức khỏe của Nguyễn Văn H1: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 11%.

- Biên bản thực nghiệm điều tra lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Sơn La. Kết quả thực nghiệm điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C đã thực hiện lại hành vi đuổi và chém người bị hại Nguyễn Văn H1.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Phạm Anh V, Tăng Xuân L, Trần Minh H phạm tội Cố ý gây

thương tích, tội Hủy hoại tài sản, tội Gây rối trật tự công cộng, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 104, 143, 245 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C phạm tội Cố ý gây thương tích, tội Gây rối trật tự công cộng, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 104, 245 Bộ luật Hình sự.

Khung hình phạt áp dụng:

- Đối với hành vi Cố ý gây thương tích: các bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Phạm Anh V, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C là người có nhận thức, biết được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt là nghi ngờ Hà Trung D đánh bạn của mình mà các bị cáo đã coi thường sức khỏe của người khác có tính chất côn đồ, dùng những hung khí nguy hiểm như dao phóng lộn, dao bầu, dao nhọn, ống tuýp sắt cùng nhau chặn đánh Hà Trung D và Nguyễn Văn H1. Hậu quả làm Nguyễn Văn H1 bị tổn hại sức khỏe 11%, Hà Trung D không bị thương tích do chạy trốn được là ngoài ý muốn của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

- Đối với hành vi Hủy hoại tài sản: 05 bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Phạm Anh V, Tăng Xuân L, Trần Minh H có hành vi cố ý dùng dao, ống tuýp sắt đập, phá, chém xe ô tô BKS 29C – 218.80 của anh Hà Trung D, gây thiệt hại 13.300.000đ. Hành vi của 05 bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự. Đối với hai bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C thì việc hủy hoại tài sản của anh D, không biết, không tham gia, không được bàn bạc trước nên bị cáo T và C không liên quan đến hành vi phạm tội Hủy hoại tài sản.

- Đối với hành vi Gây rối trật tự công cộng: 07 bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Phạm Anh V, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C đã có hành vi chặn xe ô tô của người khác để đập phá, đuổi đánh người khác tại trước cổng Khách sạn Sơn La – khu vực ngã tư Cầu Trắng, thuộc tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La là trung tâm của thành phố, tập trung đông người gây hỗn loạn, xáo trộn nơi công cộng, gây ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mọi người ở nơi công cộng, hoảng sợ cho những người xung quanh, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội... Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến trật tự chung gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự.

Các hành vi trên của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của con người, đến quyền sở hữu của công dân và xâm phạm đến quy tắc về trật tự ở nơi công cộng, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ninh tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét:

* Vụ án có tính chất đồng phạm: trong đó, bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia thực hiện hành vi đập phá xe ô tô và gây thương tích cho các bị hại nên bị cáo P và Đ giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Phạm Anh V, Đỗ Văn C đã tiếp nhận ý trí của bị cáo Nguyễn Quang P và Mai Tuấn Đ cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội tích cực, trong đó bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi dùng dao phóng lộn trực tiếp đâm một nhát vào vùng lưng của người bị hại Nguyễn Văn H1. Do đó, 05 bị cáo này đều phạm tội với vai trò đồng phạm nên cần xem xét áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự khi lượng hình.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Phạm Anh V có nhân thân xấu: có 01 tiền sự về hành vi vi phạm luật giao thông đường bộ chưa hết thời hiệu nay lại phạm tội. Bị cáo Tăng Xuân L có 01 tiền sự về hành vi Sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa tích nay lại phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Sau khi bị bắt, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn C đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện, xử lý hành phạm tội của những bị cáo khác nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Đỗ Văn C, Phạm Anh V: sau khi sự việc xảy ra, gia đình các bị cáo đã tích cực bồi thường cho những người bị hại để khắc phục một phần hậu quả nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Gia đình bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Phạm Anh V có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Quang P có bố đẻ là ông Nguyễn Đình Cầu được Nhà nước tặng thưởng Huân, huy chương kháng chiến, bị cáo Mai Tuấn Đ có bố đẻ là ông Mai Ngọc Tuấn là Thương binh hạng 4/4, bị cáo Phạm Anh V có bố đẻ là ông Phạm V N được tặng H1 chương vì sự nghiệp phát triển công nghiệp Việt N1 và H1 chương công đoàn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Tăng Xuân L sau khi biết bị khởi tố đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra và những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Phạm Anh V, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Đỗ Văn C, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T có ông nội và ông ngoại có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Quang P có ông nội có công

với cách mạng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

*** Về trách nhiệm bồi thường dân sự:**

Sau khi sự việc xảy ra, người bị hại Nguyễn Văn H1 có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền cấp cứu, điều trị, tiền tổn thất sức khỏe là 50.000.000đ, gia đình bị cáo Nguyễn Quang P và Đỗ Văn C đã bồi thường 30.000.000đ và gia đình bị cáo Mai Tuấn Đ đã nộp 5.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La để bồi thường, còn 15.000.000đ các bị cáo còn lại phải bồi thường tiếp, người bị hại Hà Trung D và Lò Phấn Th yêu cầu các bị cáo bồi thường 18.000.000đ (trong đó, thiệt hại thực tế là 13.000.000đ, tiền công sửa chữa là 5.000.000đ), gia đình bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ đã bồi thường 9.000.000đ nay còn 9.000.000đ, cần buộc các bị cáo còn lại phải bồi thường tiếp.

Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo Mai Tuấn Đ đã nộp số tiền 5.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La để bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1 và gia đình bị cáo Phạm Anh V đã nộp số tiền 3.000.000đ để bồi thường cho người bị hại Hà Trung D - Lò Phấn Th. Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại do người bị hại yêu cầu, bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ và Đỗ Văn C, nhất trí với số tiền đã bồi thường cho người bị hại không yêu cầu các bị cáo còn lại phải hoàn trả số tiền vượt quá số tiền phải bồi thường theo phần, số tiền còn lại là 15.000.000đ phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn H1 và 6.000.000đ phải bồi thường cho bị hại Hà Trung D – Lò Phấn Th thì yêu cầu các bị cáo Tăng Xuân L, Phạm Anh V, Nguyễn Văn T, Trần Minh H bồi thường tiếp. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với số tiền 10.000.000đ ông Phạm T là bố vợ của bị cáo Đỗ Văn C đã bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1, 24.000.000đ anh Nguyễn Đình Qh là anh trai của bị cáo Nguyễn Quang P đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn H1 và Hà Trung D – Lò Phấn Th, anh Nguyễn Công T1 là anh họ của bị cáo Mai Tuấn Đ đã bồi thường cho những người bị hại 10.000.000đ, bố đẻ của bị cáo Phạm Anh V là ông Phạm Vũ N đã bồi thường cho người bị hại Hà Trung D – Lò Phấn Th số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa, ông Tiếp, anh Qh, anh T1, ông N không có yêu cầu bị cáo P, bị cáo Đ, bị cáo C, bị cáo V phải hoàn trả số tiền đã bồi thường, xét thấy yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Phạm Anh V, Tăng Xuân L, Trần Minh H phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 5 Điều 143 Bộ luật Hình sự, song xét thấy các bị cáo không có tài sản có giá trị, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với 05 bị cáo.

* Đối tượng liên quan đến vụ án:

- Đối với Tô Giang N1 (tức Tô Văn N1), bị cáo Nguyễn Quang P và Mai Tuấn Đ khai N1 chính là người chỉ đạo P và Đ tìm đánh Hà Trung D và người của D. Quá trình điều tra xác định Tô Giang N1, sinh năm: 1974, trú tại Tổ 28, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Ngày 05/5/2015, N1 đã chết đột tử tại gia đình nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ mức độ liên quan.

- Đối với Lê Văn D (tức D thép) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cho Mai Tuấn Đ mượn xe ô tô BKS 88K – 5085, khi mượn xe Đ không nói cho Lê Văn D biết việc Đ sử dụng xe đó vào việc phạm tội, do đó không có căn cứ chứng minh Lê Văn D liên quan đến vụ án.

* Vật chứng vụ án:

- Đối với 01 chiếc gậy kim loại, 01 chiếc vỏ kiếm màu đen, 02 lưỡi dao bằng kim loại, 02 con dao là công cụ, phương tiện mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cùng với 01 sim điện thoại Viettel thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc đều mang tên Nguyễn Công L là giấy tờ thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra, xác định được giấy tờ trên là của ông Nguyễn Công L, trú tại: Số 48, ngõ 115, đường B, phường ND, quận Đ, thành phố Hà Nội, bị cáo T đã mượn sử dụng cùng với chiếc xe máy Honda BKS 29E1 – 887.05, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho ông Nguyễn Công L.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu Land Rover, 01 chiếc nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị cáo Trần Minh H, xét thấy đây là tài sản của chị Quách Lê Thu sống như vợ chồng với H, bị cáo H đã mượn để sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội và chị Th có ý kiến xin lại 02 chiếc điện thoại trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM thu của bị cáo Nguyễn Văn T là giấy tờ cá nhân của không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động và 2.200.000đ thu của bị cáo Nguyễn Văn T, 01 điện thoại thu của bị cáo Trần Minh H, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân, 02 điện thoại di động và 3.000.000đ thu của bị cáo Đỗ Văn C, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 5.000.000đ anh Nguyễn Công T1 đã thay bị cáo Mai Tuấn Đ bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1 theo Biên lai thu tiền số

AB/2010/004174 ngày 14/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La, cần tuyên trả cho người bị hại Nguyễn Văn H1.

- Đối với số tiền 3.000.000đ ông Phạm Vũ N đã thay bị cáo Phạm Anh V bồi thường cho người bị hại Hà Trung D – Lò Phấn Th theo Biên lai thu tiền số AB/2010/000197 ngày 15/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La, cần tuyên trả cho người bị hại Hà Trung D, Lò Phấn Th.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định chung của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang P (Nguyễn Đình P), Mai Tuấn Đ (Đ Cụt), Tăng Xuân L (L Điếc), Trần Minh H (H Trọc), Phạm Anh V (Chíp) phạm tội Cố ý gây thương tích, tội Hủy hoại tài sản, tội Gây rối trật tự công cộng; bị cáo Nguyễn Văn T (T Dê), Đỗ Văn C phạm tội Cố ý gây thương tích, tội Gây rối trật tự công cộng.

1/ - Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm b, p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Quang P (Nguyễn Đình P) 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, 06 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm b, p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Mai Tuấn Đ (Đ Cụt) 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, 06 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 50; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Phạm Anh V (Chíp) 20 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, 06 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội là 02 năm 05 tháng tù, tổng hợp hình phạt 10 năm 06 tháng tù tại bản án số 94/2017/HSPT ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 12 (Mười hai) năm 11 (Mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2016.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần

Minh H (H Trọc) 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, 06 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 245; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Tăng Xuân L (L Điếc) 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, 06 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của ba tội là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 245; điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (T Dê) 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2016.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; khoản 1 Điều 245; điểm b, p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đỗ Văn C 18 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2017.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Chấp nhận gia đình của các bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Đỗ Văn C, Phạm Anh V đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại Nguyễn Văn H1, Hà Trung D và Lò Phấn Th, cụ thể:

Ông Phạm T đã bồi thường thay cho bị cáo Đỗ Văn C 10.000.000đ và không yêu cầu bị cáo Đỗ Văn C hoàn trả.

Anh Nguyễn Đình Qh đã bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Quang P 24.000.000đ và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Quang P hoàn trả.

Anh Nguyễn Công T1 đã bồi thường thay cho bị cáo Mai Tuấn Đ 10.000.000đ và không yêu cầu bị cáo Mai Tuấn Đ hoàn trả.

Ông Phạm V N đã bồi thường thay bị cáo Phạm Anh V số tiền 3.000.000đ và không yêu cầu bị cáo Phạm Anh V hoàn trả.

- Chấp nhận các bị cáo Nguyễn Quang P, Mai Tuấn Đ, Đỗ Văn C không yêu cầu các bị cáo Tăng Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Văn T, Phạm Anh V phải hoàn trả khoản tiền đã bồi thường.

- Buộc bị cáo Phạm Anh V, Tăng Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1 số tiền 15.000.000đ,

cụ thể theo phần: Bị cáo Phạm Anh V phải bồi thường 3.750.000đ, bị cáo Tăng Xuân L phải bồi thường 3.750.000đ, bị cáo Trần Minh H phải bồi thường 3.750.000đ, bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường 3.750.000đ

- Buộc bị cáo Tăng Xuân L, Trần Minh H phải liên đới bồi thường cho người bị hại Hà Trung D – Lò Phấn Th số tiền 6.000.000đ, cụ thể theo phần: bị cáo Tăng Xuân L phải bồi thường 3.000.000đ, bị cáo Trần Minh H phải bồi thường 3.000.000đ

3/ Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc gậy kim loại dài 74cm; 01 chiếc vỏ kiếm màu đen dài 79cm, rộng 5cm; 01 lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm; 01 con dao bằng kim loại có cán dài 36cm; 01 con dao nhọn dài 62cm, bằng kim loại chỗ lưỡi dao rộng nhất là 5,3cm đã qua sử dụng; 01 lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm; 01 chiếc sim điện thoại Viettel, mặt sau có các chữ số 8984, 0488, 4100, 0515, 332.

- Trả cho ông Nguyễn Công L: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Công L, BKS 29E1-887.05 có số 001594 do Công an quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/01/2015 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Công L, có số 60608023 do Công ty bảo hiểm PJICO Thăng Long cấp ngày 13/8/2016.

- Trả cho chị Quách Lệ Th: 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, xám, mặt trước màn hình bị rạn nứt, IMEI có 04 số cuối 9798 và 01 chiếc nhãn hiệu Land Rover, vỏ màu xanh đen đã qua sử dụng, mở nguồn máy điện thoại tiến hành kiểm tra số IMEI 352273017386340, tiến hành kiểm tra thông tin trên thân máy thấy ghi Land Rover Model A8⁺ và 02 số IMEI 356233523824537, 356233523824545.

- Trả cho bị cáo Đỗ Văn C: 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Văn C, có số 112457623 do Công an tỉnh Hà Tây (Hà Nội) cấp ngày 26/9/2007; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen IMEI có 04 số cuối 5870; 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, tiến hành mở nguồn máy điện thoại ấn tổ hợp phím *#0000# thấy màn hình hiển thị Nokia 230, ấn tổ hợp phím *#06# màn hình điện thoại hiển thị các số IMEI là IMEI1 353701076421045 và IMEI2 353701076421052, tiến hành kiểm tra các thông tin trên vỏ máy thấy có ghi: Model RM-1172 và 02 số IMEI trùng với 02 số IMEI trên và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt N1.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 chiếc thẻ ATM có số 9704050771069726 do Ngân hàng AGRIBANK phát hành, mang tên Nguyễn Văn T và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T, có số 001091008355 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/9/2015.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Của bị cáo Nguyễn Văn T 2.200.000đ và 02 chiếc điện thoại di động, trong đó: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model 1280, vỏ màu đen, xám IMEI có 04 số cuối 0897 không có sim và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng IMEI có 04 số cuối 7807.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model 1280, vỏ màu trắng IMEI có 04 số cuối 0684 không có sim của bị cáo Trần Minh H.

- Trả cho người bị hại Nguyễn Văn H1: Số tiền 5.000.000đ theo Biên lai thu tiền số AB/2010/004174 ngày 14/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

- Trả cho người bị hại Hà Trung D – Lò Phấn Th số tiền 3.000.000đ theo Biên lai thu tiền số AB/2010/000197 ngày 15/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ, bị cáo Phạm Anh V phải chịu 300.000đ, bị cáo Trần Minh H phải chịu 337.500đ, bị cáo Tăng Xuân L phải chịu 337.500đ.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Phòng PC44-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tòng Thị Hiền